

2. Dự báo chất lượng nước ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: Độ mặn, DO, BOD₅, T-N từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025 được thể hiện qua các Bảng 1 đến Bảng 4 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025 cho thấy sự dao động độ mặn khác nhau tại các điểm giám sát. Các điểm như CL1, CL2, CL3, CL4, CL5, CL6, CL13, CL14, CL15 dự báo có độ mặn trên 4‰ trong suốt hoặc phần lớn giai đoạn dự báo. Đặc biệt, CL14 và CL15 có độ mặn rất cao, dự báo đạt mức tối đa lần lượt là 23,37‰ và 24,37‰. CL2 và CL6 cũng dự báo có độ mặn cao, với mức tối đa lần lượt là 18,00‰ và 18,33‰. Điểm CL11 dự báo có độ mặn dao động trong khoảng 1‰ ÷ 4‰ (Min 1,26‰, Max 1,55‰). Các điểm như CL7, CL8, CL9, CL10, CL12 dự báo có độ mặn dưới 1‰ trong suốt giai đoạn dự báo, cho thấy vùng nước ngọt hoặc lợ rất nhẹ.

Bảng 1. Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 12/05/2025 đến 18/05/2025

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (‰)								Min	Max
	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05			
CL1	12,17	12,26	12,19	11,92	11,54	11,05	10,17	10,17	12,26	
CL2	17,73	17,95	17,97	17,95	17,88	17,89	18,00	17,73	18,00	
CL3	8,85	8,53	8,51	8,60	9,03	9,43	9,65	8,51	9,65	
CL4	4,94	5,10	5,29	5,48	5,52	5,29	4,00	4,00	5,52	
CL5	4,56	4,69	4,93	5,12	5,21	5,12	4,90	4,56	5,21	
CL6	18,26	18,33	18,20	18,07	18,01	18,06	18,17	18,01	18,33	
CL7	0,30	0,31	0,32	0,30	0,28	0,25	0,22	0,22	0,32	
CL8	0,20	0,03	0,09	0,18	0,14	0,10	0,07	0,03	0,20	
CL9	0,12	0,20	0,11	0,05	0,13	0,07	0,18	0,05	0,20	
CL10	0,15	0,09	0,17	0,16	0,16	0,04	0,03	0,03	0,17	
CL11	1,41	1,38	1,33	1,28	1,26	1,36	1,55	1,26	1,55	
CL12	0,49	0,49	0,49	0,49	0,50	0,49	0,49	0,49	0,50	
CL13	4,90	4,20	3,82	3,54	3,60	3,27	3,41	3,27	4,90	
CL14	23,37	22,89	22,41	22,29	22,34	22,03	21,92	21,92	23,37	
CL15	21,98	22,28	22,48	22,79	23,24	23,80	24,37	21,98	24,37	
Ranh mặn	< 1‰	1‰ ÷ 4‰	> 4‰							

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO cho thấy: Hầu hết các điểm giám sát dự báo đạt Mức B ($\geq 5,0$ mgO₂/l) trong suốt giai đoạn dự báo. Điểm CL10 dự báo có giá trị DO dao động từ 4,72 đến 4,77 mgO₂/l, liên tục không đạt Mức B ($< 5,0$ mgO₂/l) trong cả tuần dự báo. Điểm CL13 dự báo có giá trị DO dao động từ 3,69 đến 4,18 mgO₂/l, liên tục không đạt Mức B ($< 5,0$ mgO₂/l) trong cả tuần dự báo. Điểm CL5 dự báo có giá trị DO tối thiểu là 4,92 mgO₂/l vào ngày 12/05/2025, không đạt Mức B tại ngày này. Các ngày còn lại dự báo đạt hoặc gần đạt Mức B. Điểm CL12 dự báo có giá trị DO tối thiểu là 5,11 mgO₂/l, đạt Mức B.

Bảng 2. Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 12/05/2025 đến 18/05/2025

Kí hiệu	DO dự báo (mgO ₂ /l)								
	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05	Min	Max
CL1	5,77	5,76	5,77	5,71	5,66	5,69	5,75	5,66	5,77
CL2	6,28	6,32	6,35	6,36	6,36	6,35	6,35	6,28	6,36
CL3	5,93	5,92	5,89	5,89	5,88	5,87	5,88	5,87	5,93
CL4	5,65	5,62	5,59	5,57	5,55	5,53	5,51	5,51	5,65
CL5	4,92	4,96	4,99	5,02	5,01	4,99	4,94	4,92	5,02
CL6	5,72	5,75	5,78	5,80	5,78	5,74	5,70	5,70	5,80
CL7	5,88	5,90	5,91	5,92	5,91	5,89	5,87	5,87	5,92
CL8	5,50	5,54	5,62	5,70	5,76	5,81	5,84	5,50	5,84
CL9	5,85	5,85	5,83	5,82	5,79	5,78	5,78	5,78	5,85
CL10	4,72	4,74	4,76	4,77	4,77	4,76	4,74	4,72	4,77
CL11	5,50	5,50	5,45	5,49	5,48	5,49	5,50	5,45	5,50
CL12	5,17	5,20	5,16	5,15	5,13	5,11	5,11	5,11	5,20
CL13	4,18	4,18	4,08	3,90	3,69	3,69	3,82	3,69	4,18
CL14	5,96	5,98	6,02	6,06	6,09	6,10	6,11	5,96	6,11
CL15	5,47	5,52	5,52	5,54	5,56	5,57	5,59	5,47	5,59
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: $\geq 6,0$			Đạt Mức B: $\geq 5,0$			Không đạt Mức B: $< 5,0$		
Khuyến cáo	Từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025, kết quả dự báo DO cho thấy một số điểm có hàm lượng DO không đạt Mức B của QCVN 08:2023 như CL5, CL10 và CL13 nên cần chú ý khi lấy nước phục vụ sản xuất tại các vị trí này.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo tại hệ thống CTTL CLCB từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025 cho thấy tất cả các điểm giám sát (CL1 đến CL15) đều dự báo có giá trị BOD₅ lớn hơn 6 mgO₂/l trong suốt hoặc phần lớn giai đoạn dự báo. Giá trị BOD₅ dự báo dao động trong khoảng khá rộng, từ mức tối thiểu 8,92 mgO₂/l (tại CL15) đến mức tối đa 19,96 mgO₂/l (tại CL9). Đặc biệt, các điểm CL3, CL4, CL5, CL7, CL9, CL10, CL11, CL13 dự báo có hàm lượng BOD₅ khá cao, dao động từ khoảng 11 mgO₂/l đến gần 20 mgO₂/l. Các điểm khác như CL1, CL2, CL6, CL8, CL12, CL14, CL15 dự báo có BOD₅ thấp hơn nhưng vẫn vượt ngưỡng 6 mgO₂/l.

Bảng 3. Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 12/05/2025 đến 18/05/2025

Kí hiệu	BOD ₅ (mgO ₂ /l)								
	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05	Min	Max
CL1	9,28	9,43	9,52	9,61	9,94	10,67	12,16	9,28	12,16
CL2	9,50	9,46	9,46	9,48	9,52	9,66	9,76	9,46	9,76
CL3	19,16	19,01	18,30	17,16	15,88	15,06	15,54	15,06	19,16
CL4	13,51	12,94	12,43	11,98	11,57	11,33	11,23	11,23	13,51
CL5	13,20	13,22	13,73	14,21	14,70	14,76	14,77	13,20	14,77
CL6	12,25	11,88	11,76	11,90	12,17	12,65	13,09	11,76	13,09
CL7	12,55	12,28	12,21	12,30	12,55	12,86	13,13	12,21	13,13
CL8	10,88	10,72	10,69	10,72	10,72	10,74	10,82	10,69	10,88
CL9	19,96	18,60	17,25	16,36	16,35	18,54	18,73	16,35	19,96
CL10	13,79	14,12	14,32	14,55	14,79	14,90	14,88	13,79	14,90
CL11	14,16	13,13	13,16	15,80	15,67	14,91	12,97	12,97	15,80
CL12	12,05	12,14	12,15	12,15	12,20	12,31	12,03	12,03	12,31
CL13	15,73	15,85	15,96	16,01	16,08	16,16	15,90	15,73	16,16
CL14	13,16	13,24	13,28	13,30	13,41	13,83	14,56	13,16	14,56
CL15	8,92	8,98	9,10	9,35	9,48	9,59	9,57	8,92	9,59
QCVN08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: ≤ 4			Đạt Mức B: ≤ 6			Không đạt Mức B: > 6		
Khuyến cáo	Hàm lượng Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD ₅) dự báo từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025 cho thấy tất cả các vị trí đều không đạt Mức B của QCVN 08:2023, nên cần đặc biệt lưu ý khi lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.								

2.4. Ni tơ Tổng (T-N)

Kết quả tính toán dự báo từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025 cho thấy nồng độ Tổng Nitơ tại rất nhiều điểm giám sát dự báo có nồng độ T-N vượt quá ngưỡng 1,5 mg/l của Mức B. Các điểm như CL3, CL4, CL5, CL6, CL7, CL9, CL10, CL11, CL13 dự báo có nồng độ T-N rất cao, dao động từ khoảng 3,39 mg/l (CL7) đến mức tối đa 9,93 mg/l (CL11). Các điểm CL1, CL2, CL8, CL12, CL14 dự báo có giá trị T-N dao động quanh hoặc trên ngưỡng 1,5 mg/l. CL1 và CL12 dự báo vượt ngưỡng 1,5 mg/l trong hầu hết hoặc toàn bộ giai đoạn. CL2 dao động quanh 1,39-1,45 mg/l. CL8 dao động quanh 1,81-1,91 mg/l. CL14 dao động quanh 1,82-1,88 mg/l. CL15 dao động từ 1,73 - 1,76 mg/l.

Bảng 4. Giá trị dự báo T-N tại các điểm giám sát từ 12/05/2025 đến 18/05/2025

Kí hiệu	T-N (mg/l)								
	12/05	13/05	14/05	15/05	16/05	17/05	18/05	Min	Max
CL1	1,14	1,20	1,31	1,51	1,95	2,36	2,46	1,14	2,46
CL2	1,42	1,41	1,39	1,39	1,41	1,42	1,45	1,39	1,45
CL3	5,28	5,24	5,13	4,96	4,78	4,63	4,56	4,56	5,28
CL4	5,01	4,89	4,77	4,65	4,58	4,62	4,75	4,58	5,01
CL5	4,43	4,43	4,41	4,23	3,65	3,68	3,94	3,65	4,43
CL6	3,65	3,69	3,70	3,67	3,65	3,68	3,79	3,65	3,79
CL7	3,39	3,50	3,57	3,58	3,56	3,56	3,69	3,39	3,69
CL8	1,91	1,86	1,82	1,81	1,81	1,82	1,82	1,81	1,91
CL9	6,44	6,45	6,45	6,43	6,41	5,64	5,64	5,64	6,45
CL10	3,60	3,64	3,70	3,78	3,85	3,90	5,09	3,60	5,09
CL11	9,88	9,88	9,93	8,25	8,26	8,22	8,15	8,15	9,93
CL12	1,73	1,80	1,72	1,70	1,88	2,02	2,07	1,70	2,07
CL13	5,74	5,76	5,75	5,67	5,64	5,65	5,65	5,64	5,76
CL14	1,87	1,88	1,88	1,87	1,85	1,84	1,82	1,82	1,88
CL15	1,76	1,74	1,74	1,74	1,74	1,73	1,73	1,73	1,76
QCVN 08:2023 (Bảng 2)	Đạt Mức A: $\leq 0,6$			Đạt Mức B: $\leq 1,5$			Không đạt Mức B: $> 1,5$		
Khuyến cáo	Kết quả dự báo cho thấy nồng độ Tổng Nitơ (T-N) từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025 tại hầu hết các điểm giám sát vượt ngưỡng Mức B ($\leq 1,5$ mg/l), do đó cần chú ý các biện pháp xử lý khi lấy nước phục vụ sản xuất.								

Khuyến nghị chung:

- Kết quả dự báo cho thấy các chỉ tiêu BOD₅ và T-N tại nhiều điểm có xu hướng ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng (Nito) vượt quá giới hạn cho phép theo Mức B của QCVN 08:2023 trong suốt hoặc phần lớn thời gian dự báo từ ngày 12/05/2025 đến 18/05/2025.
- Hàm lượng DO cũng là một vấn đề tại một số điểm (điểm CL10 và CL13 dự báo liên tục không đạt Mức B, điểm CL5 dự báo không đạt Mức B vào ngày 12/05/2025).
- Người dân cần theo dõi chặt chẽ thông tin dự báo chất lượng nước, đặc biệt là độ mặn, trong các bản tin tiếp theo để chủ động cho việc lấy nước phục vụ sản xuất và nuôi trồng thủy sản.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



Phạm Văn Tùng